

Tôi tham-dự vào việc làm đồ-án khoảng hơn 100 cầu tại Việt-Nam, chuyện mà bây giờ nghĩ lại, tôi cảm thấy có chút tự-hào, theo cảm nghĩ thô-thiển của tôi...

Số là khoảng 1956-1960, hãng Capitol Engineering Corporation văn-phòng chính ở tiểu-bang Delaware, bên Mỹ, mở một chi-nhánh tại Sài-Gòn, thực-hiện đồ-án kiề-u-lộ do USAID viện-trợ cho Việt-Nam, như xa-lộ Sài-Gòn Biên-Hòa, quốc-lộ 19 từ Qui-Nhon lên Pleiku, quốc-lộ 21 từ Nha-Trang lên Ban-Mê-Thuật v.v... Thời-điểm đó, văn-phòng Capitol đặt tại hãng đồng hồ Vina, số 176 đường Hai-Bà Trưng, Tân-Định. Xong việc, hãng về lại Mỹ.

Năm 1961, hãng Capitol trở lại Việt-Nam, lần này hãng làm đồ-án doanh-trại cho quân-đội Mỹ lúc đó bắt đầu sang Việt-Nam. Tôi làm việc cho hãng Capitol trong giai-đoạn 2 này. Một hôm xếp tôi cần dọn một văn-phòng chứa đầy sách vở, catalogs, hồ-sơ, giấy tờ... của Capitol cũ bỏ lại, ông bảo nhân-viên chúng tôi ghé xem, có gì dùng được thì lấy, nếu không ông ta sẽ bỏ cả vào thùng rác... Tôi vào xem, nhặt mấy cuốn catalogs về đồ án kiến-trúc và cuốn báo-cáo tổng-kết công-tác kiề-u-lộ mà Capitol đã thực-hiện tại Việt-Nam, trước đó không lâu.

Trong cuốn báo-cáo này, Capitol trình bày quan-điểm lập đồ-án của họ, theo luật AASHO của Mỹ (thời đó chưa có AASHTO). Về phần đường lộ, ngoài những báo cáo, nhận xét về thể đất tại một số địa-phương, là một số thiết-điện mẫu đường, gồm bề rộng, độ dốc, nền đường

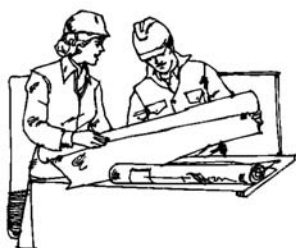
làm theo CBR bao nhiêu (đây là lần đầu tiên tôi nghe tới danh-từ CBR !), các lớp sub-base, base, seal coat, tack coat v.v.... Về cầu, họ tiêu-chuẩn-hóa bề dài các vòm cầu (spans), từ 20 ft, 30 ft, 40 ft, 60 ft v.v..., dùng loại đà bê-tông đúc tại chỗ, đà thép rộng mép (wide flange), (đà thép rộng mép có hai loại là “sàn bê-tông trên đà” và “đà và sàn hỗn hợp (composite)”, đà bê-tông tiên-áp 80 ft (đúc tại công-trường núi Châu-Thới, Biên-Hòa, sau này gọi là đà Châu-Thới); và cũng có một số thiết-điện mẫu cầu, đầy đủ cả bề dày sàn cầu bê-tông và cốt sắt ... Kèm theo là mấy tờ họa-đồ tiêu chuẩn .

Năm 1962 tôi nhập-ngũ, vào binh-chúng Công-Binh Chiến-đấu, phục-vụ tại bộ Tư-lệnh, đặt trong trại Trần-Hung-Đạo, bộ Tổng Tham-muru. Năm 1963, Công-binh Kiến-tạo và Công-binh Chiến-đấu sát-nhập làm một và dọn về trại Đào-Duy-Từ, Phú-Thọ. Tôi làm trong Sở Kiề-u-lộ.

Cuối năm 1962 lần đầu tiên trong đời tôi vẽ một cái cầu mà lâu quá, tôi quên mất tên cầu. Đó là cầu 3 vòm trên quân-khu 2, đà sắt, sàn bê-tông, trụ đầu cầu và trụ trung-gian bê-tông,

Đây là lần đầu tiên, nếu tôi nhớ không lầm, Công-Binh Việt-Nam bắt đầu dùng đà thép rộng mép do Mỹ viện-trợ. Trước đó, nếu dùng đà sắt, chúng ta dùng đà IPN, theo tiêu-chuẩn Pháp, Xong bộ họa-đồ, xếp tôi, đại-úy Mai-Kiệt-Hung, kỹ-sư công-chánh, hỏi tôi có thể thêm cái phối-cảnh (perspective) trụ đầu cầu và trụ trung-gian được không ? Dĩ nhiên là được. Tôi trình bày thân cầu cắt ngang, dưới là trụ trung-gian, xa xa là trụ đầu cầu. Máu tiểu-lâm nổi lên, tôi phang thêm mấy cây rêu la đà xuôi theo dòng nước chảy, thêm mấy con nghêu, sò,

Tôi làm đồ án cầu



Lê Ngọc Minh

ốc, hên, cua còng... vào đáy sông, lại phịa thêm mấy con cá bơi lội tung tăng cạnh cái trụ trung-gian... Đại-úy Mai-Kiệt-Hung xem xong bật cười, nói đùa một câu rồi ký, in, gửi đi... Khoảng bảy tám tháng sau, khi tôi không còn nhớ gì về cái cầu, một hôm một vị Thiếu-tá to con, râu hùm hàm én nghênh ngang bước vào phòng họa-đồ lớn tiếng hỏi :

– Anh nào là Lê-Ngọc-Minh đâu ? Anh hả ? Anh vẽ cái cầu XX trên vùng 2 đó hả ? Anh vẽ cái gì mà không ai làm được !

Ngạc-nhiên đứng thộn ra, chưa biết nói sao... tôi bước ra lấy bộ họa-đồ lưu-trữ, tính hỏi ông xem cái lý do “không ai làm được” là vì đâu... Ông Thiếu-tá to tiếng :

– Bắt mấy con ốc, con cua, con cá bỏ xuống chân cầu là nó bơi đi hết, không con nào chịu ở xung quanh trụ cầu như họa-đồ của anh cả...

Rồi ông cười, vỗ vai tôi :

– Nói đùa em thôi, họa-đồ đẹp lắm, rõ ràng, dễ hiểu...Cảm ơn em !

Sau đó tôi mới biết ông là Thiếu-tá Trần-Văn-Bạch, hõn-danh là Thiếu-tá Râu, hoặc ông Râu, Liên-đoàn trưởng Liên-đoàn 20 Công-binh Chiến-đấu !

Số là khi bắt đầu vẽ cầu, tôi mới chợt nhớ ra là tôi có cuốn “Báo-cáo Kiểu-lộ của Capitol Engineering Corporation”. Tôi về nhà lật ra xem, rồi bí-mật theo cách vẽ của Mỹ phang vào họa-đồ của ta. Thời đó, tại Việt-Nam, bộ họa-đồ nào của bất cứ công hay tư sở nào cũng có nhiều cỡ, lý-do gián-định là phe ta quen thói tự-do từ thời Pháp : xé được tờ giấy to thì vẽ tờ họa-đồ to, xé được tờ giấy nhỏ thì vẽ tờ họa-đồ nhỏ, bộ họa-đồ 30 tờ thì 30 cỡ khác nhau; khi nhập-ngũ, tôi áp-dụng họa-đồ kiểu Mỹ, toàn bộ họa-đồ chỉ có một cỡ (bề dài của tờ họa-đồ bằng chiều rộng của cuộn giấy in Ozalid), lại còn trình bày kiểu Mỹ (!) có thêm tờ bìa, nên trông rành mạch,

sáng sủa, dễ hiểu và đẹp mắt hơn... và vì vậy nó mới lọt mắt xanh của Thiếu-tá Bạch.

Từ đó, tôi dùng cuốn báo-cáo của Capitol làm bừa-bồi, mỗi khi vẽ cầu, tôi lại bí-mật đem nó ra khảo-cứu kỹ-lưỡng rồi bắt chước y chang, nhờ vậy tôi được coi là rất ”nghề” về đồ-án cầu, đến nỗi nhiều khi các sĩ-quan có trách-nhiệm làm đồ-án cầu để cho tôi làm trọn đồ-án (có thể nói là Capitol làm chớ không phải tôi !) rồi sau đó ông chỉ kiểm-soát lại. Theo tôi được biết, thì chưa có cây cầu nào do tôi “làm” bị sập, nếu có sập chỉ là vì bị ba ông Vi-Xi đem mìn đến phá-hoại mà thôi !

Trong sở, tôi ngồi gần một anh hạ-sĩ-quan phụ-trách hồ-sơ “Cầu Chiến-lược” trên toàn-quốc, có nghĩa là cả 4 Quân-khu, từ Bến-Hải đến Cà-Mau. Trong cuốn hồ-sơ, mỗi chiếc cầu chiếm một trang, đại-khái cho biết cầu ở tọa-độ nào, tên gì, có mấy vòm, làm bằng vật-liệu gì, trọng-tải tối đa... Khi nào Vi-Xi phá cầu, địa-phương báo-cáo về Cục Công-binh, báo-cáo đó



Phóng đà cầu

đưa sang Sở Kiểu-lộ và anh hạ-sĩ-quan này có nhiệm-vụ ghi chú vào đó là ngày Vi-Xi phá hoại, làm hư hại mấy vòm cầu, vòm thứ mấy. Khi sửa xong, địa-phương lại báo-cáo về Cục, anh này lại ghi tiếp vòm cầu đó sửa chữa bằng vật-liệu gì, ngày nào v.v... Thường thường, vì nhu-cầu giao-thông cấp-bách, cầu phải được sửa chữa cấp-tốc trong khoảng thời-gian ngắn nhất, dùng cầu dã-chiến Eiffel hoặc Bailey (cầu

Eiffel hoặc Bailey loại gì, dài bao nhiêu, trọng-tải bao nhiêu)... Tôi thường hay lật hồ-sơ “Cầu Chiến-lược” này ra xem vì tôi thấy nó lý-thú (!) và cũng vì nhiều khi không biết làm gì, xem cho hết ngày ! Tóm lại, tôi xem là để giải trí. Xem riết, nhiều cầu tôi thuộc nằm lòng.

Cuối năm 1967 tôi được giải-ngũ, Hai tháng sau là trận chiến Tết Mậu-Thân nhưng nhờ tôi có trên 5 năm thâm-niên quân-vụ nên không phải tái-ngũ. Thời ấy tôi làm cho hãng Mỹ Asia Pac Fargo tại Tân-Định, làm những đồ-án chợ, trường học, bến phà, Quốc-lộ 4, Quốc -lộ 1 và một số Liên-tỉnh-lộ tại Vùng 3, Vùng 4... cho USAID.

Cuối năm 1968 tôi sang làm cho hãng Quinton-Budlong, văn-phòng chính tại Los Angeles, CA; chi-nhánh Sài-Gòn, tại đại-lộ Cách-Mạng, Phú-Nhuận. Quinton-Budlong chỉ làm đồ-án cầu mà thôi, kỹ-sư trưởng là Greg Chenaar, phụ-tá là Charlie Hsu và mấy vị kỹ-sư cầu, trong đó có ông Garrit Hull và cụ Hoàng-Đạo-Lượng...

Một hôm Greg Chenaar đi thám-sát một địa-điểm cầu gần Dầu Giây. Tôi bèn biêu-diễn trí nhớ hồ-sơ “Cầu Chiến-lược” trước đây, bèn bảo anh ta, là cầu này do Pháp đúc từ trước thế-chiến thứ 2, đại-khái “rộng 4.8m, gồm ba vòm, mỗi vòm dài 12m, trọng-tải tối-đa 18 tấn”. Anh Greg Chenaar cười cười, ghi mấy chi-tiết báo-lập đó vào tập giấy của anh rồi ra xe đi. Sáng hôm sau anh ta vào văn-phòng, bước ngay đến bàn của tôi ngạc-nhiên hỏi :

- Tại sao anh biết chi-tiết về cây cầu này như vậy ?

Mũi tôi chắc nở bằng quả... bưởi, tôi lấy tay gõ vào đầu, trả lời anh ta :

Tất cả các cầu trên toàn-quốc đều nằm trong này !

Anh ta chắc nửa tin nửa ngờ, phá ra cười... rồi bỏ đi.

Mấy tuần sau, trước khi đi thám-sát ba cây cầu trên Quốc-lộ 11 (đường Phan-Rang lên Đà-Lạt), anh ta ghé lại thử tôi, hỏi thăm về chi-tiết mấy cây cầu ấy. Tôi đọc cho anh ta, lâu lâu như thuộc lòng, chi-tiết từng cầu, anh ta lại ghi lên tập giấy. Mấy hôm sau trở về, anh ta không dấu được sự ngạc-nhiên, lại hỏi tôi :

- Tại sao anh biết tường-tận về tình-trạng mấy cây cầu ở nhiều địa-điểm như vậy ?

Tôi giải-thích cho anh ta biết là tôi đã từng phục-vụ trong Sở Kiêu-lộ, Cục Công-Binh 5 năm, 1 tháng 12 ngày... tôi là người thực sự nhúng tay vào làm những đồ-án cầu. Tôi còn phía thêm là tôi “nắm trọn” hồ-sơ “Cầu Chiến-lược”, do đó tôi biết hết (!) về cầu ! Thực ra hồi đó tôi còn trẻ, chưa chứa nhiều b.s. trong đầu nên nhớ nhiều và nhớ dai như vậy, còn ngày nay thì... oh well !



Xây cầu ở miền Trung

Từ đó trở đi, anh Greg Chenaar coi tôi như một tay tin cậy được về cầu, có gì liên-quan đến Công-binh Việt-Nam, anh ta đều đến hỏi tôi, mấy lần kéo tôi đi họp tại Sở Kiêu-lộ Cục Công-Binh với anh ta, đôi khi nhờ tôi giao việc và giảng giải những khúc mắc của đồ-án cầu này, cầu nọ cho mấy anh bạn đồng-sự của tôi.

Trong ba năm làm việc tại Quinton, tôi tham-dự làm khoảng 80 – 90 đồ-án cầu. Sở dĩ nhiều và nhanh như vậy bởi vì Greg Chenaar và Charlie Hsu là hai kỹ-sư cầu trứ-danh, rất

nhiều kinh-nghiệm. Mọi việc đều tiêu-chuẩn-hóa tối đa, từ trụ đầu cầu, trụ trung-gian, lan-can thành cầu, lề bộ-hành, sàn cầu v.v... chúng tôi chỉ cần in Sepialar (thời ấy Sepialar mới ra đời), sửa chữa đôi chút, hoặc vẽ thêm chút đỉnh vào là xong một đồ-án cầu mấy chục tấm họa-đồ; cầu này khác cầu kia là chỉ có mấy tấm họa-đồ vị trí và tổng thể và mấy cây cừ đỡ trụ trung-gian và trụ đầu cầu. Mỗi khi có những kiểu đi-zai cầu khác lạ, tôi mượn tập design computations chạy ra in một bản Xerox, khi nào rảnh, tôi nhờ cụ Hoàng-Đạo-Lượng chỉ cho biết tại sao họ lại làm thế này thế nọ (thời ấy mấy nhà bác-vật còn chưa sáng-chế ra cái calculator, kỹ-sư cầu còn phải dùng thước tính (slide ruler) ! đâu đã có ai biết tới cái computer, cái xốp-oe... tròn hay méo, vì Bill Gates hồi đó chắc còn đang mặc quần thùng đáy đi học mẫu-giáo (!); cả sở có chiếc máy tính Friden làm tại Thụy-Điền to bằng cái máy chữ IBM, chỉ ban Kế-toán và anh ước lượng viên sử-dụng, mỗi khi chạy kêu xọc xọc xọc, rồi keng, keng như chuông xe điện; một anh kỹ-sư cầu người Hoa có cái máy tính Curta do Thụy-Sĩ sản-xuất, trông như cái cối xay tiêu, cao khoảng 4 inches đã được coi là văn-minh tiến-bộ lắm rồi !). Nhờ cụ Hoàng-Đạo-Lượng chỉ, dần dần tôi biết cách đi-zai cầu, đi-zai cừ chịu mũi hoặc cừ ma-xát... để đỡ trụ đầu cầu hay trụ trung-gian... và biết đọc bản báo cáo địa chất (Soils Report). Dĩ-nhiên đâu có ai tin nổi tôi mà dám giao cho tôi đi-zai cầu ! Tôi tìm hiểu chẳng qua chỉ là vì tò mò mà thôi.

Rồi Quinton-Budlong được USAID giao cho thiết lập bộ họa-đồ mẫu cầu, dùng chung cho cả Công-binh VN, Công-chánh, Công-binh Mỹ và USAID. Mục đích của USAID là giản-dị-hóa và tiêu-chuẩn-hóa việc làm đồ-án cầu. Phần thượng-tầng kiến-trúc của cầu

(superstructure) từ nay trở đi không cần phải tính toán gì nữa, mà là ghép 10 đà bê-tông tiền-áp đúc từ Châu-Thới, gồm đà Peril-Yee (do hãng Peril-Yee ở Hawaii đi-zai trước đây, tất cả đều là T-beam, tapered ends), mỗi vày dài từ 20 ft, 30 ft, 40 ft, 60 ft và đà Châu-Thới dài 80 ft (cũng là T-beam, nhưng square ends), tùy nhu-cầu, phối-hợp mấy vày dài, ngắn khác nhau, sao cho bề dài tổng-cộng của cầu dài hơn bề rộng của con sông. Sau đó dùng dây cáp neo sàn của các đà cầu cho chắc ăn, gọi là post tensioning. Trụ đầu cầu và trụ trung-gian cũng được tiêu-chuẩn-hóa. Thật giản-dị ! Người kỹ-



Cầu xây xong là niềm vui của người kỹ sư công chánh

sư cầu chỉ phải tính cừ cho trụ đầu cầu và trụ trung-gian và mấy tờ họa-đồ vị trí và tổng thể thế là xong một đồ-án cầu.

Sau công-tác này, Công-Binh Mỹ thuê Quinton-Budlong vào cục Công-Binh QĐVNCH tổ-chức hai khóa đào-tạo chuyên-viên “Trù-hoạch Cầu Xa-Lộ”. Và tôi cũng được chọn vào ban giảng-viên của hai khóa đó, năm 1971. Công-binh VN gửi một số sĩ-quan và một số hạ-sĩ-quan, binh-sĩ từ 4 Quân-khu về tham-dự khóa học. Sĩ-quan học cách tính toán, trù-hoạch... hạ-sĩ-quan và binh-sĩ học cách vẽ họa-đồ. Huấn-luyện việc tính-toán, trù-hoạch do Greg Chenaur và Charlie Hsu đảm-trách và tôi phụ-trách hướng-dẫn phân vẽ họa-đồ cho

mấy ông hạ-sĩ-quan và binh-sĩ. Tỉnh-thoảng tôi vẫn bị mượn sang làm thông-dịch-viên cho hai vị kỹ-sư cầu này để giúp quý vị sĩ-quan hiểu thấu-đáo các bài học hơn. Tôi vẫn còn giữ được liên-lạc với vài vị sĩ-quan của hai khóa Trù-hoạch Cầu Xa-Lộ này trên đất Mỹ, như các ông Nguyễn Đăng Hương, Nguyễn Kim Khoát, Đào Tự Nam, Nguyễn Đức Nhuận, Nghiêm Phú Phát...

Sau hai khóa này, Quinton-Budlong hết công-tác với USAID và giải-tán văn-phòng tại Sài-Gòn, trở về Mỹ. USAID thuê DMJM (Daniel, Mann, Johnson & Mendenhall) vào cục Công-Binh QĐVNCH tổ-chức hai khóa “Trù-hoạch Xa-Lộ”, tôi cũng được hãng DMJM tìm và mời vào ban giảng-huấn vì quá-khứ kiêu-lộ và Công-binh của tôi. Nhưng tôi không làm ở đây lâu.

Sau khi giải-tán Quinton-Budlong, Greg Chenaar về Mỹ, thuyết-phục được 3 hãng Mỹ tài-trợ cho anh sang mở hãng thiết lập đồ-án tại Việt-Nam. Ba tháng sau, anh ta trở lại Việt-Nam, thuê căn nhà 138 đường Công-Lý của luật-sư Trần Lâm Sanh, nguyên chủ-tịch Luật-sư-đoàn, đối-diện với cánh phải của dinh Độc-Lập (nay là tiệm ăn Ngon). Greg dụ tôi ra chung với anh ta mở một hãng thiết lập đồ-án thế là tôi bỏ DMJM ra làm ăn chung với anh ta.

Hồi này, nước Mỹ đã văn-minh tiến-bộ (!), sáng chế ra được cái calculator (thời đó gọi là máy tính), vì tính làm ăn to, tôi nhờ anh Greg Chenaar mua giùm cái HP-35, cái calculator tiến-bộ nhất thời bấy giờ, 425 đồng đô-la xanh (!), một số tiền khá lớn thời ấy. Trước khi có cái calculator, mỗi khi khai-thác cuốn sổ trắc-địa, tôi vẫn phải lật cuốn sách lượng-giác dày khoảng 5 cm để tìm sin, cos, tang, cotang... rồi phải tra cứu cuốn log book dày khoảng một tấc để có con số mà cộng-trừ-nhân-chia... mà interpolate cho ra số lẻ (tôi còn nhớ cuốn log

book của Jean Peters, nay ai muốn xem cuốn đó ra sao chắc phải ghé viện Smithsonian ở Washington DC !). Khai-thác xong cuốn sổ trắc-địa là đổ mồ hôi hột và mất vài ba ngày ! Nay nhờ cái HP-35, các phép tính lượng-giác, tìm log, cộng-trừ-nhân-chia phân-số... chỉ là việc bấm mấy cái nút, mà cũng được tới 8 số lẻ... khỏe vô-cùng. Tôi khoe cái calculator với một vị giáo-sư ở Trung-tâm Kỹ-thuật Phú-Thọ, ông này còn đem hai người bạn ghé văn-phòng tôi để xem một vật khó tin nhưng có thật. Cái



Nhịp cầu nối những bờ vui

calculator làm được những việc như vậy ngày nay chỉ chừng hai chục bạc, nhưng thời đó đã là một con quái-vật khiếp-đảm lắm rồi !

Công-ty của tôi và Greg Chenaar, sau sáu tháng liền không bắt được việc tại Việt-Nam, mấy hãng bên Mỹ cắt tài-trợ và Greg Chenaar phải đóng cửa hãng, về Mỹ và không trở sang Việt-Nam nữa, anh ta hậm-hực lắm vì anh thích ở Việt-Nam. Vì Greg đã trả tiền thuê nhà trọn năm, tôi được quyền sử-dụng văn-phòng đó trong 6 tháng còn lại. Máu tự-lập nổi lên, tôi đi lãnh công-tác thiết lập đồ án của mấy văn-phòng bắt được công-tác của USAID và thuê mấy họa-viên đến làm việc tại đó, khi nào có nhiều công việc, tôi mời thêm một số người đến làm sau giờ làm việc thông thường, Mỹ gọi là moon lighting. Công việc nhiều, tôi bận rộn làm việc tới-tấp.

Bỗng một hôm, ông Gerrit Hull ghé qua. Ông nguyên là kỹ-sư cầu tại hãng Quinton-Budlong trước đây, sau một thời-gian làm tại Quinton-Budlong, ông bị Greg Chenaour chê là “ẹ”, sa-thải ông. Ông sang làm cho USAID và nay ông là Director of Engineering của USAID, người quản-trị các đồ-án kiều-lộ của USAID, quyền sinh sát, phân-phối công-tác cho tất cả các hãng làm đồ-án cầu, đường, kể cả hãng Quinton-Budlong, nơi mà trước đây Greg Chenaour đã trót đại sa-thải ông. Số là tối hôm đó ông đi nhậu về, chân nam đá chân xiêu, đi ngang qua văn-phòng của tôi ở 138 Công-Lý, khoảng 9 giờ tối, đúng lúc tôi dắt xe ra về. Ông hỏi tôi làm gì ở đây. Tôi nói đây là văn-phòng của tôi, tôi làm đồ-án cho các hãng thầu, và mời ông vào xem. Thấy văn-phòng tôi trình bày có vẻ chuyên-nghiệp như Mỹ (!), có 12 bàn vẽ, ông gật gù... thấy mấy cuốn Penthouse trên bàn, ông gác chân lên bàn cầm lên xem rồi xin quá, ông ngủ ngay trên ghế, ngáy như sấm. Tôi mở máy lạnh, đóng cửa lại cho ông ngủ... dẫn bà Hai coi nhà là chùng nào ông về thì mở cổng cho ông. Mấy hôm sau ông quay lại văn-phòng tôi, nhờ tôi tìm một kỹ-sư cầu thật giỏi, làm cuốn brochure như thế này (ông đưa tôi cuốn brochure của DMJM) rồi đưa lại cho ông, ông sẽ cho tôi công-tác đi-zai trực-tiếp, khỏi phải đi lãnh lại công-tác của mấy hãng khác.

Mùng hết lớn, tôi mời cụ Hoàng-Đạo-Lượng làm kỹ-sư-trưởng, phụ-trách đi-zai cầu. Cụ là kỹ-sư công-chánh, người đã quá quen thuộc với việc đi-zai theo tiêu-chuẩn AASHTO (khoảng 1972, AASHO đổi thành AASHTO). Hồi 1956-1959 cụ Lượng làm cho Capitol Engineering (thời ấy tôi chưa quen biết cụ), rồi cụ làm cho Quinton-Budlong cùng thời với tôi. Cụ đã về hưu, dồi dào về tài-chánh, nhưng cụ vẫn thích làm việc, đặc-biệt là đồ-án cầu. Khi tôi mời, cụ nhận lời ngay với nhiều ngạc-nhiên, thích-thú... Tôi làm brochure nộp cho ông Gerrit Hull. Tên hãng là The Viet-My Corporation. Chỉ một tuần sau đó, theo lời khuyên-cáo (hay chỉ-thị) của ông Gerrit Hull, ông William Keith (kỹ-sư trưởng của Morrisson-Maierle, trụ-sở chính tại Helena, Montana cố-vấn Khu 2 Công-Chánh VNCH, văn-phòng đặt tại Đà-Lạt) ghé thăm văn-phòng

chúng tôi rồi trao cho tôi công-tác đi-zai cầu Srépok qua sông Ea-Krông, chiếc cầu lớn nhất thời đó trong chương-trình tái-thiết hậu-chiến của Khu 2, trên QL-14 sát ngay phía nam Ban-Mê-Thuột (khi lên Ban-Mê-Thuột thám-sát cầu, tôi gặp lại một vị sĩ-quan kỹ-sư đã từng qua khóa “Trù-hoạch Cầu Xa-lộ” là Nguyễn-Đức-Nhuận, khi này đã giải-ngũ, làm Trưởng Ty Công Chánh Ban Mê Thuột; ông NĐN hiện nay đang làm cho Cal-Trans tại San Bernardino, California); rồi đi-zai cầu Đại-Quay trên QL-20, cầu Ea-Kuang trên vùng 2 và làm đồ án sửa chữa một số cầu linh-tinh khác... Và chúng tôi cũng bắt được nhiều công-tác làm đồ án sửa chữa các căn-cứ cũ của Mỹ để chuyển-giao cho QĐVNCH trong chương-trình Việt-hóa chiến-tranh ở Biên-Hòa, Long-Binh, Phan-Rang... Công việc nhiều, bận mê man... nhân-viên văn-phòng lên tới khoảng 30 người.

Công việc chúng tôi làm tại Việt-Mỹ Corporation rất thoải mái : khi có việc, chúng tôi cùng nhau làm ngày làm đêm cho xong, cố gắng làm cho thật tốt đẹp để “giữ uy-tín” ! Khi không có việc, chúng tôi “phè” (!) : đánh cờ tướng, mở những pác-ti nhỏ nhỏ, cà-phê, bánh ngọt, thuốc lá... và cả nhậu nữa ! Và công-tác làm đồ-án chạy ro ro vô cùng nhàn nhuyên.

Chúng tôi làm như vậy cho đến khoảng tháng 3-1975, khi Ban-Mê-Thuột thất-thủ thì không còn công-tác mới nữa. Rồi Morrisson-Maierle rút lui khỏi Đà-Lạt về Sài-Gòn. Đầu tháng 4-1975, tôi gửi cái hóa-đơn chót cho Morrisson-Maierle thì công-tác hoàn toàn kiệt-quệ. Công-tác của USAID cũng như công-tác Việt-hóa cạn khô, tôi cho chuyên-viên nghỉ gần hết, cả sở chỉ còn lại mấy người thuộc thành-phần cốt cán.

Ngày 22-4-1975 tôi rời Sài-Gòn ra Phú-Quốc, rồi cuối tháng 4-1975 di-tản... Sự-nghiệp kiều-lộ của tôi coi như chấm dứt từ đó./.

